

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Hà Nội, tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Thịnh	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hạnh	Ủy viên
Ông Phạm Trung Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Hòa	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/06/2017)
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tuấn Hòa
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Số: 311 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/08/2017, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại ngày cuối kỳ, số dư nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác chưa được xác nhận với số tiền lần lượt là 2.483.204.103 đồng, 1.234.987.986 đồng, 1.849.315.301 đồng, 910.782.399 đồng và 1.147.799.878 đồng. Bảng các thủ tục soát xét và dựa trên các thông tin thu thập được chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả và các điều chỉnh có liên quan đến giá trị các khoản công nợ này.

Theo Biên bản kiểm kê vật tư - hàng hóa - thành phẩm của Công ty tại ngày đầu năm số liệu vật tư, hàng hóa, thành phẩm thiếu so với số liệu trên sổ sách là 20.097.551 đồng. Theo Biên bản kiểm kê vật tư - hàng hóa - thành phẩm được lập ngày cuối kỳ, số liệu vật tư, hàng hóa, thành phẩm thiếu so với số liệu trên sổ sách là 69.831.822 đồng; kết quả kiểm kê cho thấy giá trị hàng tồn kho thừa và thiếu so với giá trị sổ sách lần lượt là 258.870 đồng và 221.528.574 đồng. Dựa trên thông tin được cung cấp, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng thích hợp về sự hiện hữu và giá trị của hàng tồn kho tại ngày đầu năm và cuối kỳ.

Chúng tôi chưa thu thập được hồ sơ tài sản cố định của một số máy móc thiết bị của Công ty đem đi đầu tư theo các hợp đồng liên danh về việc phủ sóng di động In-Building tại các tòa nhà tại ngày đầu năm và cuối kỳ với số tiền là 4.671.643.627 đồng. Do hạn chế về các thông tin được cung cấp, chúng tôi chưa thể đánh giá được tính hiện hữu của các tài sản này tại ngày đầu năm và cuối kỳ cũng như chi phí khấu hao của các tài sản cố định này trích trong kỳ.

Do hạn chế về thông tin được cung cấp, chúng tôi cũng chưa thể đánh giá tính đầy đủ của các khoản mục vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển tại ngày đầu năm và cuối kỳ với số tiền lần lượt là 1.592.423.352 đồng và 1.277.349.251 đồng.

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Tại ngày cuối kỳ, Công ty đã hoàn nhập khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám mây với số tiền là 684.958.666 đồng. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám mây cho năm tài chính 2014, 2015, 2016 và 4 tháng đầu năm 2017 không có dấu của Công ty. Chúng tôi cũng chưa thu thập được Nghị quyết/Biên bản Hội đồng cổ đông các năm 2015, 2016 và 2017. Do đó, chúng tôi chưa có cơ sở đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tại ngày đầu năm và hoàn nhập trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tại ngày cuối kỳ.

Chúng tôi cũng chưa thu thập được căn cứ về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày đầu năm với số tiền là 1.869.292.930 đồng và bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu tại ngày cuối kỳ để đánh giá việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty tại ngày cuối kỳ.

Tại ngày cuối kỳ, các mặt hàng tồn kho chậm luân chuyển là 2.796.244.220 đồng đã được Công ty trích lập dự phòng là 510.208.073 đồng. Chúng tôi không thu thập được căn cứ hợp lý cho việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho này.

Trong kỳ, Công ty hạch toán chi phí lương của các nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang mà không hạch toán vào chi phí hoạt động với số tiền là 161.721.583 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 28 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty TNHH MTV Đầu tư & Thương mại The Garden (chủ đầu tư tòa nhà The Manor - The Garden) chấm dứt hợp đồng với Công ty kể từ ngày 12/01/2017, đồng thời yêu cầu Công ty thanh toán số tiền thuê tính đến hết ngày 08/01/2017 là 2.623.799.335 đồng và lãi chậm trả là 1.116.090.017. Tại ngày 30/06/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải trả Công ty TNHH MTV Đầu tư & Thương mại The Garden là 2.081.137.213 đồng.

Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục nêu trên của Bảng Cân đối Kế toán đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận cũng như các yếu tố liên quan của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Kết luận từ chối

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, trong đó đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ do chưa thể khẳng định được tính hiện hữu và tính đánh giá số dư công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền lần lượt là 3,15 tỷ đồng; 0,92 tỷ đồng; 1,79 tỷ đồng; 0,40 tỷ đồng và 1,3 tỷ đồng và chưa thể đánh giá được mức độ hợp lý của số dự phòng đã trích lập là 0,51 tỷ đồng của các mặt hàng tồn kho chậm luân chuyển là 2,5 tỷ đồng tại ngày 31/12/2016.

Kết luận của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.461.499.784	14.858.527.407
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	257.636.512	706.444.590
1. Tiền	111		257.636.512	706.444.590
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.001.735.099	9.652.059.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.506.189.503	8.065.753.474
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.264.531.986	1.265.702.896
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.100.306.540	2.189.896.110
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.869.292.930)	(1.869.292.930)
III. Hàng tồn kho	140	10	4.936.713.503	4.196.310.905
1. Hàng tồn kho	141		5.446.921.576	4.706.518.978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(510.208.073)	(510.208.073)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		265.414.670	303.712.362
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.917.720	55.266.726
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	246.496.950	248.445.636
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.842.792.371	5.266.195.637
I. Tài sản cố định	220		4.942.792.371	5.051.154.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.173.511.629	4.263.986.601
- Nguyên giá	222		14.471.292.160	14.471.292.160
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.297.780.531)	(10.207.305.559)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	769.280.742	787.167.702
- Nguyên giá	228		1.133.217.517	1.133.217.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(363.936.775)	(346.049.815)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	900.000.000	215.041.334
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		900.000.000	900.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(684.958.666)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.304.292.155	20.124.723.044

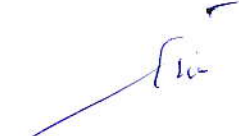
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

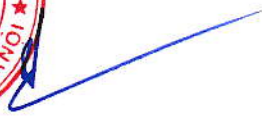
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.262.018.177	10.160.920.795
I. Nợ ngắn hạn	310		7.262.018.177	10.160.920.795
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.384.241.647	6.041.075.906
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	220.282.670	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	26.929.489	410.954.923
4. Phải trả người lao động	314		17.407.242	408.317.330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		132.410.372	957.424.602
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	21.627.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.480.746.757	2.278.221.034
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	43.300.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.042.273.978	9.963.802.249
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	10.042.273.978	9.963.802.249
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.612.440.000	15.612.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.612.440.000	15.612.440.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.995.200	48.995.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.592.423.352	1.592.423.352
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.277.349.251	1.277.349.251
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.488.933.825)	(8.567.405.554)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.567.405.554)	(5.147.612.237)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		78.471.729	(3.419.793.317)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.304.292.155	20.124.723.044


Vũ Hồng Nhung
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hòa
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.554.764.711	8.786.529.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.554.764.711	8.786.529.764
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	1.419.718.503	6.561.777.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.135.046.208	2.224.751.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.896.284	20.120.013
7. Chi phí tài chính	22	21	(684.958.666)	192.877.860
8. Chi phí bán hàng	25	23	277.308.881	289.859.398
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.626.533.438	2.862.404.989
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(81.941.161)	(1.100.270.271)
11. Thu nhập khác	31	24	457.333.365	1.746.677
12. Chi phí khác	32	25	296.920.475	10.543.095
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		160.412.890	(8.796.418)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		78.471.729	(1.109.066.689)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		78.471.729	(1.109.066.689)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	50	(710)


Vũ Hồng Nhung
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng






Nguyễn Tuấn Hòa
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017


Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	6.533.783.683	12.052.767.258
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(3.939.489.223)	(4.977.441.166)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(1.621.110.851)	(3.185.282.930)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	316.156.671	11.317.543.974
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.600.444.642)	(13.518.504.696)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(311.104.362)	1.689.082.440
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.896.284	15.554.027
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.896.284	15.554.027
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(139.600.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(139.600.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(448.808.078)	1.654.636.467
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	706.444.590	1.054.843.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	48.579
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	257.636.512	2.709.528.855


Vũ Hồng Nhung
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng




Nguyễn Tuấn Hòa
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thiết bị Điện thoại thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) theo Quyết định số 56/QĐ-BBCVT ngày 25/11/2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, Công ty có vốn điều lệ là 15.612.440.000 đồng, được chia thành 1.561.244 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ số cổ phần trên của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là VIE.

Trụ sở chính của Công ty tại số 35, ngõ 61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 35 người (tại ngày 31/12/2016 là 43 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Lắp ráp, xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Cho thuê hệ thống IBS và cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2017, lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá 50% vốn chủ sở hữu, đồng thời luồng tiền từ hoạt động kinh doanh trong kỳ đang bị âm. Ban lãnh đạo Công ty đang tích cực chủ động tìm kiếm hợp đồng, làm thị trường đối với mảng dịch vụ xây lắp, sản xuất sản phẩm Công ty có lợi thế để giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguồn thu từ hoạt động ủy thác từ các đơn vị VNPT, đồng thời tiếp tục quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, thu hồi công nợ nhằm đem lại hiệu quả từ hoạt động kinh doanh. Theo đó, Ban lãnh đạo Công ty đánh giá hoạt động của Công ty sẽ vẫn được duy trì trong một tương lai xác định. Do vậy, các báo cáo tài chính giữa niên độ này vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về Công ty liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: Tỷ lệ vốn góp vào Công ty là 49%;
- Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: Viễn thông các tỉnh, thành phố;
- Các công ty con/liên kết của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, gồm có:
 - Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net);
 - Ban Quản lý dự án các công trình viễn thông;
 - Công ty Điện thoại Hà Nội 3;
 - Tổng Công ty truyền thông (VNPT-Media);
 - Công ty Cổ phần Hacıscó
 - Công ty Cổ phần Viễn thông tin học Bưu điện (CT-IN);
 - Công ty Cổ phần Viễn thông VTC;
 - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện;
 - Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện;
 - Công ty Viễn thông liên tỉnh.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám mây: Công ty liên kết;
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian sử dụng ước tính

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng. Tại ngày 30/06/2017, phần mềm kế toán đã khấu hao hết giá trị.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	27.816.071	5.017.199
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	229.820.441	701.427.391
	<u>257.636.512</u>	<u>706.444.590</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông	900.000.000	-	900.000.000	(684.958.666)
Đám mây				
	<u>900.000.000</u>	<u>-</u>	<u>900.000.000</u>	<u>(684.958.666)</u>

Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính nên số liệu trình bày trong chi tiêu giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết giá trị hợp lý được trình bày là giá gốc.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2017:

<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám mây	Hà Nội	45%	45%	Kinh doanh dịch vụ viễn thông

Tại ngày 30/6/2017, Công ty đã hoàn nhập khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám mây với số tiền là 684.958.666 đồng do Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám mây các năm tài chính 2014, 2015, 2016 và 4 tháng đầu năm 2017 không có dấu của Công ty và chưa thu thập được Nghị quyết/Biên bản Hội đồng cổ đông các năm 2015, 2016 và 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.506.189.503	8.065.753.474
Công ty Cổ phần Công nghệ cao DKD	822.749.659	2.050.169.124
Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	202.556.335	202.556.335
Viễn thông Hậu Giang	361.130.000	-
Viễn thông Quảng Ninh	42.000.000	463.977.000
Viễn thông Tuyên Quang	906.510.000	1.955.715.000
Ban Quản lý Dự án Hạ tầng 1 - Chi nhánh Tổng Công ty	44.797.500	895.950.000
Viễn thông Mobifone		
Công ty Cổ phần Giải pháp tòa nhà Thông minh	360.000.000	660.000.000
Chi nhánh Công ty CP điện GREE	531.217.500	531.217.500
Phải thu của các đối tượng khác	1.235.228.509	1.306.168.515
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	1.719.978.102	3.270.533.437

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.264.531.986	1.265.702.896
Công ty CP Địa chính 368	240.000.000	240.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ đầu tư	178.750.000	178.750.000
Trả trước cho các đối tượng khác	845.781.986	846.952.896
b) Trả trước cho khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	30.000.000	30.000.000

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	2.100.306.540	2.189.896.110
Các khoản chi hộ liên quan đến hợp đồng ủy thác nhập khẩu	64.107.005	62.038.898
Tạm ứng	255.173.111	342.464.813
Phải thu tiền tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc	377.790.924	416.957.425
Ký cược, ký quỹ	5.297.646	5.603.491
Phải thu về quỹ khen thưởng, phúc lợi chi quá	225.786.528	225.786.528
Phải thu khác	1.172.151.326	1.137.044.955
b) Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	64.107.005	53.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Cty CP Điện GREE	531.217.500	-	531.217.500	-
Công ty CP Địa chính 368	240.000.000	-	240.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông VTC tại Hà Nội	170.000.000	-	170.000.000	-
Công ty CP chuyên giao công nghệ viễn thông	179.990.000	-	179.990.000	-
Các đối tượng khác	827.230.027	79.144.597	827.230.027	79.144.597
	1.948.437.527	79.144.597	1.948.437.527	79.144.597

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.561.800.390	(463.385.154)	2.602.991.374	(463.385.154)
Công cụ, dụng cụ	23.582.892	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	1.106.020.787	-	136.976.837	-
Thành phẩm	1.692.911.066	(46.822.919)	1.891.945.126	(46.822.919)
Hàng hóa	15.914.551	-	34.346.276	-
Hàng gửi đi bán	46.691.890	-	40.259.365	-
	5.446.921.576	(510.208.073)	4.706.518.978	(510.208.073)

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	5.314.736.686	6.558.364.056	2.410.212.383	187.979.035	14.471.292.160
Số cuối kỳ	5.314.736.686	6.558.364.056	2.410.212.383	187.979.035	14.471.292.160
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	2.923.574.536	4.685.539.605	2.410.212.383	187.979.035	10.207.305.559
Khấu hao trong kỳ	90.474.972	-	-	-	90.474.972
Số cuối kỳ	3.014.049.508	4.685.539.605	2.410.212.383	187.979.035	10.297.780.531
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	2.391.162.150	1.872.824.451	-	-	4.263.986.601
Số cuối kỳ	2.300.687.178	1.872.824.451	-	-	4.173.511.629

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối kỳ là 5.203.800.644 đồng (tại ngày đầu năm là 5.203.800.644 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.073.217.517	60.000.000	1.133.217.517
Số cuối kỳ	1.073.217.517	60.000.000	1.133.217.517
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	286.049.815	60.000.000	346.049.815
Khấu hao trong kỳ	17.886.960	-	17.886.960
Số cuối kỳ	303.936.775	60.000.000	363.936.775
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	787.167.702	-	787.167.702
Số cuối kỳ	769.280.742	-	769.280.742

Ghi chú: (i) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng đất đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp tại ngõ 61, đường Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với thời gian sử dụng 50 năm.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 60.000.000 đồng (tại ngày đầu năm là 60.000.000 đồng).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.384.241.647	5.384.697.647	6.041.075.906	6.041.075.906
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO - Chi nhánh Hà Nội	2.081.167.214	2.081.167.214	2.081.167.214	2.081.167.214
Công ty CP Thương mại Công nghệ NPT	1.213.527.145	1.213.527.145	1.213.527.145	1.213.527.145
Phải trả cho các đối tượng khác	2.089.547.288	2.090.003.288	2.746.381.547	2.746.381.547
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	4.046.797.064	4.046.797.064	4.046.797.064	4.046.797.064
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO - Chi nhánh Hà Nội	2.081.167.214	2.081.167.214	2.081.167.214	2.081.167.214
Công ty CP Thương mại Công nghệ NPT	1.213.527.145	1.213.527.145	1.213.527.145	1.213.527.145
Công ty CP Tin học Viễn thông Tân Thuận Phát	411.798.014	411.798.014	411.798.014	411.798.014
Các đối tượng khác	340.304.691	340.304.691	340.304.691	340.304.691
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	207.859.113	207.859.113	207.859.113	207.859.113

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	220.282.670	-
Công ty CP Viễn thông tin học Bưu điện CT-IN - Bên liên quan	214.500.000	-
Trần Công Chương	5.782.670	-

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	380.596.957	297.082.967	658.764.031	18.915.893
Thuế thu nhập cá nhân	30.357.966	14.785.998	37.130.368	8.013.596
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	190.095.618	190.095.618	-
	410.954.923	501.964.583	885.990.017	26.929.489
b) Phải thu				
Thuế xuất, nhập khẩu	1.948.686	2.500.328	551.642	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	246.496.950	-	-	246.496.950
	248.445.636	2.500.328	551.642	246.496.950

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác	1.480.746.757	2.278.221.034
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.136	-
Kinh phí công đoàn	59.399.490	136.718.216
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.546.000	25.546.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	161.621.400	161.621.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.199.170.731	1.954.335.418
<i>Phải trả nhân viên tiền tạm ứng</i>	<i>212.992.253</i>	<i>385.299.266</i>
<i>Các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng ủy thác</i>	<i>123.405.157</i>	<i>495.158.346</i>
<i>Tiền vay không tính lãi</i>	<i>-</i>	<i>21.070.700</i>
<i>Trợ cấp thôi việc cho cán bộ công nhân viên</i>	<i>213.414.747</i>	<i>475.525.165</i>
<i>Tiền lãi tiền vay cá nhân</i>	<i>19.706.967</i>	<i>20.194.335</i>
<i>Phải trả nhân viên tiền thực hiện các công trình</i>	<i>629.651.607</i>	<i>557.087.606</i>
b) Phải trả khác là các bên liên quan	-	422.026.340

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO

Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy
 Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	
Số dư đầu năm trước	15.612.440.000	-	48.995.200	-	1.592.423.352	-	1.277.349.251	-	(5.147.612.237)	-	13.383.595.566
Lỗi năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.419.793.317)	-	(3.419.793.317)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	15.612.440.000	-	48.995.200	-	1.592.423.352	-	1.277.349.251	-	(8.567.405.554)	-	9.963.802.249
Lỗi kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	78.471.729	-	78.471.729
Số dư cuối kỳ	15.612.440.000	100	48.995.200	100	1.592.423.352	100	1.277.349.251	100	(8.488.933.825)	-	10.042.273.978

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Tỷ lệ		Số đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	%	VND	%	VND	%		
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	7.650.000.000	49	7.650.000.000	49				
Các cổ đông khác	7.962.440.000	51	7.962.440.000	51				
	15.612.440.000	100	15.612.440.000	100				

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	1.561.244	1.561.244
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.561.244	1.561.244
- Cổ phiếu phổ thông	1.561.244	1.561.244
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.561.244	1.561.244
- Cổ phiếu phổ thông	1.561.244	1.561.244
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	852,93	870,52
- EUR	282,08	312,37
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
b) Nợ khó đòi đã xử lý	317.055.947	317.055.947

19. DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.178.518.517	1.840.600.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	1.376.246.194	6.945.929.764
	<u>2.554.764.711</u>	<u>8.786.529.764</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i> <i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 30)</i>	<u>2.996.141.600</u>	<u>4.803.079.647</u>

Ghi chú: (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 28 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty không ghi nhận doanh thu phù sóng di động In-Buyding tại tòa nhà The Manor trong kỳ.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán, thành phẩm	1.284.418.454	1.091.553.512
Giá vốn dịch vụ	135.300.049	5.470.224.289
	<u>1.419.718.503</u>	<u>6.561.777.801</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	-	192.877.860
Hoàn nhập dự phòng giảm đầu tư tài chính dài hạn	(684.958.666)	-
	<u>(684.958.666)</u>	<u>192.877.860</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.287.337.385	1.706.358.025
Chi phí nhân công	1.532.816.428	4.625.018.772
Chi phí bảo hành sản phẩm	2.117.791	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.218.057	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.361.932	579.176.448
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	189.659.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	978.466.474	3.195.582.578
Chi phí bằng tiền khác	448.220.303	411.462.227
	4.404.538.370	10.707.257.963

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.630.200	202.848.906
Chi phí nhân công	740.143.858	1.563.740.875
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.218.057	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.886.960	21.537.108
Thuế, phí và lệ phí	225.784.700	230.845.027
Chi phí dự phòng	-	189.659.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.589.494	242.310.933
Chi phí bằng tiền khác	147.280.169	411.462.227
	1.626.533.438	2.862.404.989
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.849.091	14.077.974
Chi phí nhân công	217.015.000	216.863.186
Chi phí bảo hành sản phẩm	2.117.791	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.026.800	5.306.783
Chi phí bằng tiền khác	48.300.199	53.611.455
	277.308.881	289.859.398

24. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu nhập từ các khoản công nợ lâu ngày (i)	362.602.135	-
Thu nhập khác	94.731.230	1.746.677
	457.333.365	1.746.677

Ghi chú: (i) Các khoản phải trả viễn thông các tỉnh, thành phố từ lâu, không có Biên bản đối chiếu công nợ, cơ quan thuế yêu cầu Công ty ghi nhận thu nhập khác theo Biên bản Kiểm tra thuế năm 2016 ngày 22/05/2017 của Cục thuế Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Truy thu thuế GTGT (i)	207.415.446	-
Các khoản phạt chậm nộp	81.674.715	-
Các khoản khác	7.830.314	10.543.095
	296.920.475	10.543.095

Ghi chú: (i) Theo Quyết định về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế số 34403/QĐ-CT-KTT2 ngày 26/05/2017, số tiền truy thu thuế GTGT là 207.415.446 đồng.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	78.471.729	(1.109.066.689)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	81.674.715	189.708.492
Các khoản điều chỉnh tăng	81.674.715	189.659.913
- Các khoản phạt chậm nộp	81.674.715	-
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	189.659.913
Các khoản điều chỉnh giảm	-	48.579
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền	-	48.579
Thu nhập chịu thuế	160.146.444	(919.358.197)
Kết chuyển lỗ các năm trước	(160.146.444)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 lỗ nên Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	78.471.729	(1.109.066.689)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	78.471.729	(1.109.066.689)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.561.244	1.561.244
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50	(710)
Mệnh giá trên cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có liên danh với Công ty Cổ phần Công nghệ cao DKD theo Hợp đồng Liên danh số 001/HĐLD/DKD-VITECO dự án phủ sóng di động In-Building cho một số tòa nhà ở Hà Nội. Theo điều khoản hợp đồng này, Công ty chịu trách nhiệm ký hợp đồng với chủ đầu tư tòa nhà The Manor để đầu tư thiết bị tại tòa nhà này. Hai bên có trách nhiệm góp vốn triển khai dự án với tỷ lệ 50% - 50% và cùng hưởng phần lợi nhuận và rủi ro như nhau. Tuy nhiên, phía liên danh chậm thanh toán tiền thuê nhà cho chủ đầu tư tòa nhà nên bị giữ thiết bị.

Theo Công văn số 17/17/CV-The Garden ngày 18/05/2017, Công ty TNHH MTV Đầu tư & Thương mại The Garden (chủ đầu tư tòa nhà The Manor - The Garden) nêu việc chấm dứt hợp đồng với Công ty kể từ ngày 12/01/2017, đồng thời yêu cầu Công ty thanh toán số tiền thuê tính đến hết ngày 08/01/2017 là 2.623.799.335 đồng và lãi chậm trả là 1.116.090.017 đồng. The Garden sẽ mua lại toàn bộ các thiết bị sau khi đã khấu trừ giá trị khấu hao (thời hạn khấu hao theo hợp đồng là 5 năm). Tại ngày 30/06/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải trả Công ty TNHH MTV Đầu tư & Thương mại The Garden là 2.081.137.213 đồng.

Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục để chấm dứt hợp đồng thuê tòa nhà, đối chiếu công nợ, đánh giá thiết bị và tiến hành bù trừ công nợ và tài sản tại đây.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	43.300.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(257.636.512)	(706.444.590)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	10.042.273.978	9.963.802.249
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.636.512	706.444.590	257.636.512	706.444.590
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.737.203.113	8.386.356.654	4.737.203.113	8.386.356.654
Đầu tư tài chính dài hạn	900.000.000	215.041.334	900.000.000	215.041.334
Các khoản ký quỹ	5.297.646	5.603.491	5.297.646	5.603.491
Tổng cộng	5.900.137.271	9.313.446.069	5.900.137.271	9.313.446.069
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	-	43.300.000	-	43.300.000
Phải trả người bán và phải trả khác	6.864.988.404	8.319.296.940	6.864.988.404	8.319.296.940
Chi phí phải trả	132.410.372	957.424.602	132.410.372	957.424.602
Tổng cộng	6.997.398.776	9.320.021.542	6.997.398.776	9.320.021.542

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.636.512	-	257.636.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.737.203.113	-	4.737.203.113
Đầu tư tài chính dài hạn	-	900.000.000	900.000.000
Các khoản ký quỹ	5.297.646	-	5.297.646
Tổng cộng	5.000.137.271	900.000.000	5.900.137.271
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.864.988.404	-	6.864.988.404
Chi phí phải trả	132.410.372	-	132.410.372
Tổng cộng	6.997.398.776	-	6.997.398.776
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.997.261.505)	900.000.000	(1.097.261.505)
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.444.590	-	706.444.590
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.386.356.654	-	8.386.356.654
Đầu tư tài chính dài hạn	-	215.041.334	215.041.334
Các khoản ký quỹ	5.603.491	-	5.603.491
Tổng cộng	9.098.404.735	215.041.334	9.313.446.069
Số đầu năm			
Các khoản vay	43.300.000	-	43.300.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.319.296.940	-	8.319.296.940
Chi phí phải trả	957.424.602	-	957.424.602
Tổng cộng	9.320.021.542	-	9.320.021.542
Chênh lệch thanh khoản thuần	(221.616.807)	215.041.334	(6.575.473)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh số 14 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty có các nghiệp vụ và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ:

Doanh thu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Hạ tầng Mạng (VNPT-Net)	291.621.600	1.183.091.238
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện CT-IN	-	452.300.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	214.000.000
Viễn thông các tỉnh	2.704.520.000	2.953.688.409
	2.996.141.600	4.803.079.647

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	287.798.750	271.501.212
	287.798.750	271.501.212

Số dư với các bên liên quan:


	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	1.719.978.102	3.270.533.437
Tổng Công ty Hạ tầng Mạng (VNPT - Net)	-	202.556.335
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC	-	170.000.000
Công ty Cổ phần Hasico	52.586.055	52.586.055
Viễn thông các tỉnh, thành phố	1.667.392.047	2.845.391.047
Trả trước cho người bán	30.000.000	30.000.000
Công ty tài chính MTV Bưu điện	30.000.000	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	64.107.005	53.700.000
Tổng Công ty Hạ tầng Mạng (VNPT-Net)	64.107.005	53.700.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn	207.859.113	207.859.113
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện CT-IN	207.859.113	207.859.113
Phải trả ngắn hạn khác	-	422.026.340
Tổng Công ty Hạ tầng Mạng (VNPT-Net)	-	59.424.205
Công ty Viễn thông liên tỉnh	-	192.757.759
Viễn thông các tỉnh, thành phố	-	169.844.376


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

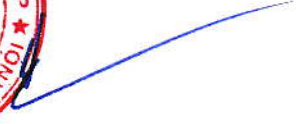
30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là số liệu trên báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 bởi một công ty kiểm toán khác.


Vũ Hồng Nhung
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng




Nguyễn Tuấn Hòa
Tổng Giám đốc